

TÔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10

TÔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 26 tháng 10 năm 2021.	
Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Huy Bình Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Văn Tuấn	Chủ tịch Thành viên (Đến ngày 20 tháng 7 năm 2021) Thành viên (Đến ngày 6 tháng 1 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Anh Tài Ông Nguyễn Đông Hòa Ông Trương Đức Hùng	Tổng Giám Đốc (Đến ngày ngày 20 tháng 7 năm 2021) Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc (Từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Huy Bình Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch Tổng Giám đốc (Đến ngày 20 tháng 7 năm 2021)
Trụ sở chính	23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông Trương Đức Hùng - Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công ty để ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Thư Ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2021.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 49. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Trương Đức Hùng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chữ ký được Ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính riêng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã thuyết minh một khoản nợ tiềm tàng liên quan đến khoản tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (từng là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2003 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 và hiện là công ty liên kết của Tổng Công ty).

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Ngọc Khánh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5401-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12087
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.232.882.367.940	3.330.754.353.547
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	271.588.326.429	654.548.204.348
111	Tiền		162.088.326.429	157.448.204.348
112	Các khoản tương đương tiền		109.500.000.000	497.100.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.241.100.000.000	1.859.568.876.712
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	2.241.100.000.000	1.859.568.876.712
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		677.386.026.029	773.760.902.688
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	316.528.929.816	180.489.523.364
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		31.351.137.052	10.099.956.944
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	390.887.560.861	636.426.497.949
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.381.601.700)	(59.057.315.319)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	5.802.239.750
140	Hàng tồn kho		13.799.945.012	15.012.310.408
141	Hàng tồn kho		13.799.945.012	15.012.310.408
150	Tài sản ngắn hạn khác		29.008.070.470	27.864.059.391
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		20.136.918.543	6.620.272.521
152	Thuế GTGT được khấu trừ	13	17.049.664	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	8.854.102.263	21.243.786.870

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.554.233.314.360	5.591.283.504.046
210	Các khoản phải thu dài hạn		45.530.335.644	46.356.492.274
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	45.530.335.644	46.356.492.274
220	Tài sản cố định		652.785.288.607	725.186.280.056
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	628.082.048.053	697.566.474.023
222	Nguyên giá		2.641.463.919.424	2.634.887.870.081
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.013.381.871.371)	(1.937.321.396.058)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	24.703.240.554	27.619.806.033
228	Nguyên giá		82.648.957.521	82.648.957.521
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(57.945.716.967)	(55.029.151.488)
230	Bất động sản đầu tư	10	8.945.974.392	11.155.096.392
231	Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(80.265.861.033)	(78.056.739.033)
240	Tài sản dở dang dài hạn		580.653.098.782	563.121.973.400
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	580.653.098.782	563.121.973.400
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.201.393.877.713	4.161.026.526.285
251	Đầu tư vào công ty con	5(a)	1.412.883.163.689	1.182.787.483.689
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(b)	2.633.636.789.502	2.633.636.789.502
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	738.214.360.459	738.214.360.459
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(d)	(583.340.435.937)	(393.612.107.365)
260	Tài sản dài hạn khác		64.924.739.222	84.437.135.639
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	58.281.078.430	75.026.363.671
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	6.643.660.792	9.410.771.968
270	TỔNG TÀI SẢN		8.787.115.682.300	8.922.037.857.593

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	746.610.513.583	947.354.337.038
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(30.763.640)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20 746.610.513.583	947.323.573.398
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21 (786.039.992.763)	(882.384.155.556)
20	(Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(39.429.479.180)	64.939.417.842
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22 285.460.997.070	626.429.283.258
22	Chi phí tài chính	23 (190.982.296.543)	(208.358.447.947)
25	Chi phí bán hàng	24 (27.373.816.489)	(54.841.315.164)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 (222.345.176.395)	(260.922.442.915)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(194.669.771.537)	167.246.495.074
31	Thu nhập khác	26 15.676.300.070	9.157.194.780
32	Chi phí khác	26 (115.257.660)	(2.411.511.189)
40	Lợi nhuận khác	15.561.042.410	6.745.683.591
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(179.108.729.127)	173.992.178.665
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	27 -	-
52	Thuế TNDN hoãn lại	16, 27 (2.767.111.176)	1.224.695.500
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(181.875.840.303)	175.216.874.165


Nguyễn Khương Duy
Người lập

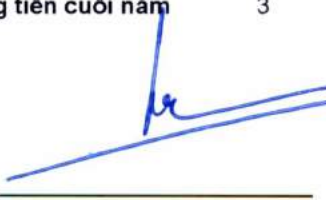
Nguyễn Quốc Tuệ
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính**Trương Đức Hùng**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐCChữ ký được Ủy quyền
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(179.108.729.127)	173.992.178.665
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	79.053.978.870	87.673.670.333
03	Các khoản dự phòng	192.052.614.953	210.873.478.267
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.301.923.812	367.470.255
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(278.755.933.587)	(610.536.340.692)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(185.456.145.079)	(137.629.543.172)
09	Tăng các khoản phải thu	(122.563.737.902)	(48.688.576.165)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	1.212.365.396	(724.460.310)
11	Tăng các khoản phải trả	72.170.259.953	4.921.890.888
12	Giảm chi phí trả trước	3.228.639.219	15.123.063.465
15	Thuế TNDN đã nộp	-	(63.899.114.870)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	603.417.650	295.237.342
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(24.238.009.699)	(59.425.693.148)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(255.043.210.462)	(290.027.195.970)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(24.750.017.858)	(61.758.331.043)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	16.669.546	364.881.752
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(3.194.968.876.712)	(3.459.268.876.712)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	2.813.437.753.424	3.445.566.273.973
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(164.943.191.295)	(87.500.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	474.907.553.995	318.344.487.866
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(96.300.108.900)	155.748.435.836
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(31.507.658.906)	(305.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(31.507.658.906)	(305.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(382.850.978.268)	(439.278.760.134)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	654.548.204.348	1.093.829.818.920
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(108.899.651)	(2.854.438)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	271.588.326.429	654.548.204.348


 Nguyễn Khương Duy
 Người lập


 Nguyễn Quốc Tuệ
 Kế toán trưởng và
 Giám đốc Tài chính


Trương Đức Hùng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chữ ký được Ủy quyền
 Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - Công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hình thức công ty mẹ - Công ty con, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 1 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 10 năm 2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mỳ, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Đại lý bảo hiểm; và
- Đại lý bán vé tàu hỏa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Trường trung cấp Du lịch và Khách sạn Saigontourist;
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Côn Đảo; và
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Thành phố Móng Cái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 10 công ty con và 29 công ty liên doanh, liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 5.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 2.585 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.198 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tổng Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Tổng Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất/kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập cuối năm này và khoản dự phòng đã lập cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“Hợp đồng quản lý”) là thỏa thuận giữa Tổng Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của Hợp đồng quản lý. Hợp đồng quản lý được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế. Các bên tham gia trong Hợp đồng quản lý thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

Hợp đồng quản lý chia LNST là Hợp đồng quản lý dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát.

- (i) Nếu Hợp đồng quản lý quy định các bên tham gia Hợp đồng quản lý được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê/cho thuê tài sản.
- (ii) Nếu Hợp đồng quản lý quy định các bên tham gia Hợp đồng quản lý được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của Hợp đồng quản lý có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của Hợp đồng quản lý là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của Hợp đồng quản lý.
 - Nếu Tổng Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, phải áp dụng phương pháp kế toán Hợp đồng quản lý chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong năm; hoặc
 - Nếu Tổng Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tổng Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ Hợp đồng quản lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4,0% - 20,0%
Máy móc thiết bị	10,0% - 20,0%
Phương tiện vận tải	16,7% - 33,3%
Thiết bị quản lý	20,0% - 33,3%
Phần mềm vi tính	20,0% - 33,3%
TSCĐ khác	6,6% - 20,0%

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động doanh nghiệp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê*Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm của các loại tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	4,0%
Nhà cửa, vật kiến trúc	4,0%
Bất động sản đầu tư khác	20,0%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn, chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất/kinh doanh trong năm.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất/kinh doanh trong năm.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Tổng Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC *Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp* do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, theo đó Tổng Công ty không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động. Khi người lao động nghỉ việc, Tổng Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc thực tế phát sinh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về khoản doanh thu tương ứng với giá trị dịch vụ mà Tổng Công ty sẽ cung cấp trong vòng 12 tháng tiếp theo. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận

LNST có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tổng Công ty. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST hàng năm và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015.

2.21 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và tổn thất đầu tư tài chính và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo dịch vụ cung cấp; chi phí hoa hồng và chi phí nhân viên.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí cho nhân viên bộ phận quản lý; chi phí thuê đất; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.28 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.6);
- Dự phòng giảm giá đầu tư (Thuyết minh 2.8(e), Thuyết minh 5(d));
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10, Thuyết minh 9); và
- Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư (Thuyết minh 2.12, Thuyết minh 10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	5.086.587.547	12.165.139.474
Tiền gửi ngân hàng	156.070.467.396	144.305.071.649
Tiền đang chuyển	931.271.486	977.993.225
Các khoản tương đương tiền (*)	109.500.000.000	497.100.000.000
	<u>271.588.326.429</u>	<u>654.548.204.348</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn nhiều hơn 3 tháng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,2%/năm bằng Đồng Việt Nam (tại 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất từ 3,6%/năm đến 7,2%/năm bằng Đồng Việt Nam).

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

		31.12.2021		31.12.2020	
		Giá trị	% sở hữu	Giá trị	% sở hữu
		VND		VND	
1	Công ty Liên Doanh Hội Chợ Triển lãm Sài Gòn (*)	777.832.648.560	60,00%	547.736.968.560	60,00%
2	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	107.322.220.000	57,85%	107.322.220.000	57,85%
3	Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	94.255.660.000	51,39%	94.255.660.000	51,39%
4	Công ty TNHH MTV DVDL Lữ Hành Saigontourist	85.388.022.179	100,00%	85.388.022.179	100,00%
5	Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc	75.476.000.000	80,00%	75.476.000.000	80,00%
6	Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Thương Mại Phú Thọ	72.091.152.950	61,10%	72.091.152.950	61,10%
7	Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bể	60.460.000.000	74,18%	60.460.000.000	74,18%
8	Công ty Cổ phần Du lịch Dak Lak	47.632.860.000	50,81%	47.632.860.000	50,81%
9	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Yên	46.604.000.000	62,98%	46.604.000.000	62,98%
10	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	45.820.600.000	52,43%	45.820.600.000	52,43%
Tổng giá trị đầu tư vào công ty con		1.412.883.163.689		1.182.787.483.689	

(*) Theo Nghị Quyết Hội Đồng Thành Viên số 51/NQ-HĐTV ngày 31 tháng 5 năm 2021, Tổng Công ty tăng vốn góp đầu tư vào Công ty Liên Doanh Hội Chợ Triển lãm Sài Gòn từ nguồn cổ tức được chia năm 2019 với số tiền là 65.152.488.705 Đồng và vốn góp bằng tiền là 164.943.191.295 Đồng. Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty không đổi, do việc tăng vốn tương ứng với việc tăng vốn điều lệ của Công ty Liên Doanh Hội Chợ Triển lãm Sài Gòn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con do cổ phiếu của các công ty trên chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

		31.12.2021		31.12.2020	
		Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
1	Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist	313.350.000.000	50,00%	313.350.000.000	50,00%
2	Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	181.923.000.000	20,00%	181.923.000.000	20,00%
3	Công ty Liên doanh Hữu hạn Khách sạn Chains Caravelle	145.218.466.874	49,00%	145.218.466.874	49,00%
4	Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn	56.246.776.500	25,00%	56.246.776.500	25,00%
5	Công ty TNHH Sài Gòn Morin Hué	34.607.500.000	50,00%	34.607.500.000	50,00%
6	Công ty TNHH Phát triển Nhà Đại An - Saigontourist	34.096.500.000	38,00%	34.096.500.000	38,00%
7	Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn Cần Thơ	5.262.788.108	50,00%	5.262.788.108	50,00%
Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên doanh		770.705.031.482		770.705.031.482	

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Công ty liên kết

		31.12.2021		31.12.2020	
		Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (*)	581.551.600.000	49,00%	581.551.600.000	49,00%
2	Công ty Cổ phần Sài Gòn Quê Hương	354.000.000.000	29,50%	354.000.000.000	29,50%
3	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Bình Châu	202.976.256.000	23,83%	202.976.256.000	23,83%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	100.576.960.000	38,96%	100.576.960.000	38,96%
5	Công ty Cổ phần Sài Gòn Sovico - Phú Quốc	175.000.000.000	25,00%	175.000.000.000	25,00%
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Thủ Đức	63.294.320.000	49,00%	63.294.320.000	49,00%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Saigontourist	58.500.000.000	25,00%	58.500.000.000	25,00%
8	Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	49.626.600.000	37,27%	49.626.600.000	37,27%
9	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	48.041.000.000	38,86%	48.041.000.000	38,86%
10	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	42.595.600.000	28,40%	42.595.600.000	28,40%
11	Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên	36.160.510.000	48,87%	36.160.510.000	48,87%
12	Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	24.523.632.020	36,70%	24.523.632.020	36,70%
13	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	23.400.000.000	36,00%	23.400.000.000	36,00%
14	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp	20.000.000.000	28,00%	20.000.000.000	28,00%
15	Công ty Cổ phần Du lịch Khách Sạn Sài Gòn Mũi Né	17.000.000.000	33,33%	17.000.000.000	33,33%
16	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Qui Nhơn	16.700.000.000	22,27%	16.700.000.000	22,27%

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Công ty liên kết (tiếp theo)

		31.12.2021		31.12.2020	
		Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
17	Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn Phú Quốc	13.014.400.000	40,67%	13.014.400.000	40,67%
18	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Tourane	13.000.000.000	43,33%	13.000.000.000	43,33%
19	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Du lịch Mê Kông	8.627.130.000	28,76%	8.627.130.000	28,76%
20	Công ty Cổ phần Phát Triển A&B	5.843.750.000	25,00%	5.843.750.000	25,00%
21	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - An Phát	5.000.000.000	25,00%	5.000.000.000	25,00%
22	Công ty TNHH TM Dịch vụ Sài Gòn Bông Sen	3.500.000.000	35,00%	3.500.000.000	35,00%
Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên kết		1.862.931.758.020		1.862.931.758.020	
Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.633.636.789.502		2.633.636.789.502	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của khoản đầu tư cổ phiếu này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của sàn giao dịch cổ phiếu công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") là 581.551.600.000 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khác do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư dài hạn khác

Cổ phiếu của công ty đại chúng

	31.12.2021		31.12.2020	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương (*)	104.919.300.000	3,49%	104.919.300.000	3,49%

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của khoản đầu tư cổ phiếu này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của sàn giao dịch UPCOM là 193.051.512.000 Đồng.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

		31.12.2021		31.12.2020	
		Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
1	Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	231.664.896.000	14,44%	231.664.896.000	14,44%
2	Công ty Cổ phần Bông Sen	203.968.750.000	3,61%	203.968.750.000	3,61%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn	43.200.000.000	13,33%	43.200.000.000	13,33%
4	Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airline	40.015.250.000	1,14%	40.015.250.000	1,14%
5	Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	28.620.000.000	6,46%	28.620.000.000	6,46%
6	Công ty Cổ phần Sài Gòn Cam Ranh	24.716.000.000	5,00%	24.716.000.000	5,00%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Sài Gòn	24.135.060.000	11,03%	24.135.060.000	11,03%
8	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	18.257.500.000	16,75%	18.257.500.000	16,75%
9	Công ty Cổ phần Fiditour	6.000.000.000	19,64%	6.000.000.000	19,64%
10	Công ty Liên Doanh Đại Dương	5.417.936.000	1,69%	5.417.936.000	1,69%
11	Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000.000	0,95%	4.000.000.000	0,95%
12	Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười	2.552.916.000	7,04%	2.552.916.000	7,04%
13	Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Liên Hiệp Vận Chuyển	746.752.459	20,00%	746.752.459	20,00%
		<u>633.295.060.459</u>		<u>633.295.060.459</u>	
Tổng giá trị đầu tư dài hạn khác		<u><u>738.214.360.459</u></u>		<u><u>738.214.360.459</u></u>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV DVDL Lữ Hành Saigontourist	76.065.121.491	35.160.332.967
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đồng Hà	48.389.325.761	41.073.078.363
Công ty Liên doanh Hội chợ Triển lãm Sài Gòn	52.284.814.565	-
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Thương mại Phú Thọ	32.158.243.204	22.706.995.073
Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak	29.852.685.728	21.816.970.786
Công ty TNHH Sài Gòn Bản Giốc	23.231.239.493	20.697.575.586
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bể	26.349.107.979	16.468.671.350
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Yên	12.551.549.562	9.023.054.871
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	4.031.938.041	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ	4.203.694.823	1.064.627.083
	<u>309.117.720.647</u>	<u>168.011.306.079</u>
Công ty liên doanh		
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	<u>7.446.573.141</u>	<u>2.740.372.109</u>
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	128.513.006.129	87.727.503.583
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	38.436.651.623	32.715.691.484
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	19.933.977.313	15.060.415.882
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	10.275.127.614	5.221.889.608
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	8.712.528.607	6.204.271.604
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Thủ Đức	4.947.350.809	3.755.947.343
Công ty Cổ phần Du lịch Khách Sạn Sài Gòn Mũi Né	5.463.612.903	1.515.509.096
Công ty Khách sạn Saigon Tourane	4.281.193.621	3.008.890.577
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Bông Sen	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Quốc	737.383.178	-
	<u>224.800.831.797</u>	<u>158.710.119.177</u>
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airline	40.015.250.000	40.015.250.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Y Tế Sài Gòn	1.130.018.148	24.135.060.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười	830.042.204	-
	<u>41.975.310.352</u>	<u>64.150.310.000</u>
	<u><u>583.340.435.937</u></u>	<u><u>393.612.107.365</u></u>

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Phải thu liên quan doanh thu phục vụ các đoàn y bác sỹ hỗ trợ Covid-19	184.151.675.140	-
Công ty TNHH Parkson Việt Nam	44.325.195.928	117.740.768.175
Công ty Cổ phần Fiditour	25.673.760.000	26.121.690.000
Công ty TNHH Khu mua sắm Đệ Nhất Phan Khang	23.399.094.750	13.656.288.750
Khác	38.913.160.442	20.816.731.584
	<u>316.462.886.260</u>	<u>178.335.478.509</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	66.043.556	2.154.044.855
	<u>316.528.929.816</u>	<u>180.489.523.364</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu khác từ bên thứ ba đã quá hạn thanh toán lần lượt là 82.076.586.429 Đồng và 73.979.391.233 Đồng.

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Phải thu khoản vốn góp tại công ty liên kết	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C (**)	28.672.767.600	29.173.336.275
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	27.334.817.261	35.032.121.226
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	15.178.871.721	15.109.942.611
Các khoản khác	25.245.086.517	16.519.102.491
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))		
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	91.536.376.716	345.159.851.410
Phải thu ngắn hạn khác:	102.919.641.046	95.432.143.936
<i>Phải thu tạm ứng cấp vốn từ công ty con</i>	<i>78.000.000.000</i>	<i>78.000.000.000</i>
<i>Phải thu quỹ đầu tư phát triển từ công ty con</i>	<i>8.929.306.176</i>	<i>8.929.306.176</i>
<i>Thu tiền thuê đất khu Quận 1 (*)</i>	<i>9.120.237.760</i>	<i>8.502.837.760</i>
<i>Phải thu tiền thuê đất từ khách sạn Quê Hương</i>	<i>6.870.097.110</i>	-
	<u>390.887.560.861</u>	<u>636.426.497.949</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư trình bày khoản thu từ một bên liên quan - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Bông Sen.

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C (**)	45.506.400.000	46.300.035.000
Khác	23.935.644	56.457.274
	<u>45.530.335.644</u>	<u>46.356.492.274</u>

(**) Phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C bao gồm giá trị thương quyền của khu đất số 34 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (khoản phải thu dài hạn) và giá trị móng cọc tòa nhà One Tower được xây dựng trên khu đất này (khoản phải thu ngắn hạn). Theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn M&C, giá trị thương quyền của khu đất sẽ được hoàn trả lại cho Tổng Công ty khi công trình đưa vào hoạt động kinh doanh và giá trị móng cọc của tòa nhà sẽ được thanh toán theo lịch trình được thỏa thuận giữa hai công ty.

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2021 VND	2020 VND
Tiền thuê đất	43.550.383.721	53.361.769.320
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mở rộng Khách sạn Bến Thành	11.020.519.217	11.319.718.829
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.227.889.967	6.547.162.426
Chi phí sửa chữa	364.323.883	825.843.874
Khác	1.117.961.642	2.971.869.222
	<u>58.281.078.430</u>	<u>75.026.363.671</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	75.026.363.671	81.657.629.458
Tăng trong năm	3.395.713.718	9.137.125.575
Phân bổ trong năm	<u>(20.140.998.959)</u>	<u>(15.768.391.362)</u>
Số dư cuối năm	<u>58.281.078.430</u>	<u>75.026.363.671</u>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.746.736.561.778	697.389.726.509	111.648.917.730	16.631.596.606	62.481.067.458	2.634.887.870.081
Mua trong năm	-	550.858.680	-	358.176.337	-	909.035.017
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 11)	6.186.857.459	-	-	123.000.000	-	6.309.857.459
Thanh lý	-	(642.843.133)	-	-	-	(642.843.133)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.752.923.419.237	697.297.742.056	111.648.917.730	17.112.772.943	62.481.067.458	2.641.463.919.424
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.120.490.153.796	653.210.384.230	88.602.799.331	15.007.452.244	60.010.606.457	1.937.321.396.058
Khấu hao trong năm (*)	51.744.782.802	14.994.642.496	8.200.727.498	395.576.845	1.367.588.805	76.703.318.446
Thanh lý	-	(642.843.133)	-	-	-	(642.843.133)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.172.234.936.598	667.562.183.593	96.803.526.829	15.403.029.089	61.378.195.262	2.013.381.871.371
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	626.246.407.982	44.179.342.279	23.046.118.399	1.624.144.362	2.470.461.001	697.566.474.023
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	580.688.482.639	29.735.558.463	14.845.390.901	1.709.743.854	1.102.872.196	628.082.048.053

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.354.004.411.006 Đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.348.304.925.389 Đồng).

(*) Bao gồm khấu hao trong năm của máy móc liên quan đến Hợp đồng quản lý là 2.288.826.011 Đồng.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khấu hao lũy kế
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021
Khấu hao trong năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị còn lại
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
51.867.478.382	27.470.302.404	3.311.176.735	82.648.957.521
30.907.518.986	20.810.455.767	3.311.176.735	55.029.151.488
-	2.916.565.479	-	2.916.565.479
30.907.518.986	23.727.021.246	3.311.176.735	57.945.716.967
20.959.959.396	6.659.846.637	-	27.619.806.033
20.959.959.396	3.743.281.158	-	24.703.240.554

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 45.993.983.442 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 42.764.533.294 Đồng).

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.887.946.667	61.852.033.763	14.471.854.995	89.211.835.425
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	12.887.946.667	50.696.937.371	14.471.854.995	78.056.739.033
Khấu hao trong năm	-	2.209.122.000	-	2.209.122.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.887.946.667	52.906.059.371	14.471.854.995	80.265.861.033
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	11.155.096.392	-	11.155.096.392
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	8.945.974.392	-	8.945.974.392

Nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 33.983.785.337 Đồng.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2021 VND	2020 VND
Công trình mở rộng Khách sạn Cửu Long	515.955.960.938	515.968.688.211
Công trình đài phun nước, dự án không gian cảnh quan trục đường Lê Lợi	29.040.429.574	29.040.429.574
Phần cứng cho phần mềm Quản lý khách sạn iHotel	6.776.330.895	-
Dự án cải tạo 38 phòng ngủ của khách sạn Đồng Khánh	5.200.355.765	6.784.239.442
Dự án cải tạo Khu du lịch sinh thái Cần Giờ	5.153.519.781	-
Khác	18.526.501.829	11.328.616.173
	<u>580.653.098.782</u>	<u>563.121.973.400</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	563.121.973.400	546.297.503.008
Tăng trong năm	23.840.982.841	58.678.415.345
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(6.309.857.459)	(34.233.203.633)
Khác	-	(7.620.741.320)
Số dư cuối năm	<u>580.653.098.782</u>	<u>563.121.973.400</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	24.103.990.946	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Bình Minh	23.170.298.925	-
Khác	32.304.177.002	32.111.153.202
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	58.121.015.456	134.636.605
	<u>137.699.482.329</u>	<u>32.245.789.807</u>

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	2021 VND	2020 VND
Phải nộp		
Tiền thuê đất	142.302.145.808	72.688.069.504
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.450.226.889	4.173.781.701
Thuế thu nhập cá nhân	-	96.766.641
Thuế tiêu thụ đặc biệt	677.880.039	3.299.380.962
Khác	466.078.848	12.311.871.057
	<u>151.896.331.584</u>	<u>92.569.869.865</u>
Phải thu		
Lợi nhuận nộp thừa cho Nhà nước	1.915.656.698	8.607.360.337
Thuế thu nhập cá nhân	5.242.859.451	4.242.566.377
Khác	1.695.586.114	8.393.860.156
	<u>8.871.151.927</u>	<u>21.243.786.870</u>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp/phải thu Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ cần trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Phải nộp					
Tiền thuế đất	72.688.069.504	380.426.750.391	(310.812.674.087)	-	142.302.145.808
Lợi nhuận phải nộp cho Nhà Nước	-	38.199.362.545	(38.199.362.545)	-	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.173.781.701	84.752.398.221	(80.475.953.033)	-	8.450.226.889
Thuế thu nhập cá nhân	96.766.641	6.679.847.960	(7.776.907.675)	1.000.293.074	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.299.380.962	16.992.611.650	(19.614.112.573)	-	677.880.039
Khác (*)	12.311.871.057	2.821.079.073	(16.201.008.137)	1.534.136.855	466.078.848
	92.569.869.865	529.872.049.840	(473.080.018.050)	2.534.429.929	151.896.331.584
Phải thu					
Lợi nhuận nộp thừa cho Nhà Nước	8.607.360.337	-	(6.691.703.639)	-	1.915.656.698
Thuế thu nhập cá nhân	4.242.566.377	-	-	1.000.293.074	5.242.859.451
Thuế GTGT đầu vào	-	27.411.053.836	(27.394.004.172)	-	17.049.664
Khác	8.393.860.156	-	(8.232.410.897)	1.534.136.855	1.695.586.114
	21.243.786.870	27.411.053.836	(42.318.118.708)	2.534.429.929	8.871.151.927

(*) Bao gồm 2.009.977.240 Đồng thuế TNDN phải nộp trong năm 2021 của Hợp đồng quản lý giữa Tổng Công ty và các đối tác, do Tổng Công ty phụ trách kê khai và nộp theo thỏa thuận trong Hợp đồng quản lý.

14 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Phải trả từ Hợp đồng quản lý tại:		
- Khách sạn Đồng Khởi	71.218.846.793	70.610.932.529
- Khách sạn văn phòng	9.204.745.313	9.204.745.313
- Khách sạn Cửu Long	3.537.191.336	6.600.679.049
- Khách sạn Đệ Nhất	2.314.679.789	2.986.208.767
- Khách sạn Bến Thành	-	852.843.375
Phải trả liên quan đến dự án đài phun nước, dự án không gian cảnh quan trục đường Lê Lợi	29.040.156.845	29.040.156.845
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.564.251.860	4.210.651.860
Phải trả doanh thu đường hoa	5.244.489.202	746.435.326
Khác	28.188.004.155	26.354.866.101
	<u>155.312.365.293</u>	<u>150.607.519.165</u>

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	60.798.431.781	62.446.771.603
Phải trả từ Hợp đồng quản lý tại:		
- Khách sạn Cửu Long	8.899.298.896	11.216.053.896
- Khách sạn Đồng Khởi	9.004.777.781	9.004.777.781
- Khách sạn Bến Thành	4.965.261.062	6.303.018.568
- Khách sạn Đệ Nhất	682.241.818	682.241.818
	<u>84.350.011.338</u>	<u>89.652.863.666</u>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	85.192.543.859	144.322.999.665
Tăng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 18(b))	214.946.083.333	-
Tăng khác	603.417.650	295.237.342
Sử dụng	(24.238.009.699)	(59.425.693.148)
Số dư cuối năm	<u>276.504.035.143</u>	<u>85.192.543.859</u>

16 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	2021 VND	2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>6.643.660.792</u>	<u>9.410.771.968</u>

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	9.410.771.968	8.186.076.468
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 27)	(2.767.111.176)	1.224.695.500
Số dư cuối năm	<u>6.643.660.792</u>	<u>9.410.771.968</u>

16 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI (tiếp theo)

Chi tiết của tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dự phòng đầu tư tài chính	6.196.540.775	8.965.009.405
Chi phí phải trả	186.735.255	372.268.512
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và các khoản phải thu	260.384.762	73.494.051
	<u>6.643.660.792</u>	<u>9.410.771.968</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2021 là 20% (2020: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2021	Chưa thanh tra	<u>278.133.262.183</u>	<u>-</u>	<u>278.133.262.183</u>

Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tổng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Theo Quyết định số 4849/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 1 tháng 1 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty được chấp thuận tăng từ 5.300.000.000.000 Đồng lên 6.410.755.000.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của chủ sở hữu là 6.410.755.000.000 Đồng.

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	6.410.755.000.000	421.424.540.672	401.240.707.185	1.113.558.831.464	8.346.979.079.321
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	175.216.874.165	175.216.874.165
Lợi nhuận phải nộp vào ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 13)	-	-	-	(296.392.639.663)	(296.392.639.663)
Khác	-	-	-	(2.999.362.641)	(2.999.362.641)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6.410.755.000.000	421.424.540.672	401.240.707.185	989.383.703.325	8.222.803.951.182
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(181.875.840.303)	(181.875.840.303)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	318.741.103.456	(318.741.103.456)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	-	(214.946.083.333)	(214.946.083.333)
Lợi nhuận phải nộp vào ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 13) (*)	-	-	-	(38.190.025.066)	(38.190.025.066)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6.410.755.000.000	421.424.540.672	719.981.810.641	235.630.651.167	7.787.792.002.480

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên Số 18/NQ-HĐTV ngày 5 tháng 4 năm 2021 và Số 37/NQ-HĐTV ngày 21 tháng 5 năm 2021, Tổng Công ty thực hiện tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền lần lượt là 318.741.103.456 Đồng, 214.946.083.333 Đồng và 38.270.103.448 Đồng từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2020.

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	2021	2020
USD	2.757.435	645.858
EUR	660	660

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu dịch vụ ăn uống	233.851.446.851	356.774.854.310
Doanh thu dịch vụ phòng ngủ	233.227.098.696	203.278.912.070
Doanh thu cho thuê tài sản	174.372.014.730	223.509.400.336
Thu học phí	38.324.244.003	53.280.621.069
Phí phục vụ	20.058.627.296	31.095.484.508
Khác	46.777.082.007	79.384.301.105
	<u>746.610.513.583</u>	<u>947.323.573.398</u>

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Tiền thuê đất	204.180.137.937	242.237.213.107
Chi phí nhân viên	182.615.903.533	225.089.831.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.043.192.291	78.876.012.422
Chi phí nguyên vật liệu	95.350.314.215	138.141.139.824
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.667.765.304	78.628.263.889
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.904.066.357	24.397.508.272
Khác	56.278.613.126	95.014.186.789
	<u>786.039.992.763</u>	<u>882.384.155.556</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 30(a))	158.254.875.086	467.558.839.829
Lãi tiền gửi	120.484.388.955	142.612.619.111
Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh	5.631.945.610	16.160.408.213
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.089.787.419	97.416.105
	<u>285.460.997.070</u>	<u>626.429.283.258</u>

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	189.728.328.572	207.905.016.643
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.301.923.812	367.470.255
Khác	(47.955.841)	85.961.049
	<u>190.982.296.543</u>	<u>208.358.447.947</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí quảng cáo	11.610.224.244	18.108.116.098
Chi phí nhân viên	9.043.983.099	15.399.100.805
Hoa hồng bán hàng	3.770.132.434	18.790.412.205
Khác	2.949.476.712	2.543.686.056
	<u>27.373.816.489</u>	<u>54.841.315.164</u>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuê đất	102.147.802.134	65.402.742.411
Chi phí nhân viên	80.180.833.383	144.816.097.191
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.386.213.566	9.045.406.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.196.487.645	3.254.305.450
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.324.286.381	2.968.461.624
Chi phí đồ dùng văn phòng	938.287.929	1.236.102.233
Khác	28.171.265.357	34.199.327.562
	<u>222.345.176.395</u>	<u>260.922.442.915</u>

26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý CCDC và TSCĐ	16.669.546	364.881.752
Khác	15.659.630.524	8.792.313.028
	<u>15.676.300.070</u>	<u>9.157.194.780</u>
Chi phí khác		
Khác	115.257.660	2.411.511.189

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Mẫu số B 09 – DN

27 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(179.108.729.127)	173.992.178.665
Thuế tính ở thuế suất 20%	(35.821.745.825)	34.798.435.733
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(31.650.975.017)	(93.738.737.415)
Chi phí không được khấu trừ	640.563.072	894.435.898
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	13.972.616.509	11.729.984.717
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	55.626.652.437	45.091.185.567
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>2.767.111.176</u>	<u>(1.224.695.500)</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	-
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 16)	2.767.111.176	(1.224.695.500)
	<u>2.767.111.176</u>	<u>(1.224.695.500)</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Tiền thuê đất	306.327.940.071	307.639.955.518
Chi phí nhân viên	271.840.720.015	385.305.029.249
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.256.949.958	148.500.550.214
Chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	79.053.978.870	87.673.670.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.328.846.437	82.217.900.113
Khác	108.951.416.097	186.810.808.208
	<u>1.035.759.851.448</u>	<u>1.198.147.913.635</u>

29 GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

	2021 VND	2020 VND
Góp vốn bằng cổ tức được nhận	<u>65.152.488.705</u>	<u>-</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty là doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Các bên liên quan được định nghĩa ở Thuyết minh 2.27. Thông tin chi tiết về các bên liên quan là công ty con, công ty liên kết, liên doanh được trình bày ở Thuyết minh 5.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
<i>i) Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty con	2.928.746.510	7.192.423.045
Công ty liên doanh, liên kết	498.701.972	200.261.637
Bên liên quan khác	469.614.496	155.482.724
	<u>3.897.062.978</u>	<u>7.548.167.406</u>
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty con	34.242.243	8.065.682.543
Công ty liên doanh, liên kết	81.317.426.024	2.013.608.357
	<u>81.351.668.267</u>	<u>10.079.290.900</u>
<i>iii) Góp vốn</i>		
Công ty con	230.095.680.000	-
Công ty liên doanh, liên kết	-	87.500.000.000
	<u>230.095.680.000</u>	<u>87.500.000.000</u>
<i>iv) Nhận cổ tức (Thuyết minh 22)</i>		
Công ty con	-	85.449.183.523
Công ty liên doanh, liên kết	152.921.541.753	371.442.989.640
Bên liên quan khác	5.333.333.333	10.666.666.666
	<u>158.254.875.086</u>	<u>467.558.839.829</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
v) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác của Ban Điều hành Tổng Công ty	1.868.302.182	1.505.912.273
Lương và các quyền lợi gộp khác của Ban Điều hành các đơn vị phụ thuộc	8.972.460.602	12.080.901.953
	<u>10.840.762.784</u>	<u>13.586.814.226</u>
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
Công ty con	<u>66.043.556</u>	<u>2.154.044.855</u>
ii) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia		
Công ty con	47.430.505.216	88.156.110.979
Công ty liên doanh, liên kết	43.100.000.000	255.997.868.931
Các bên liên quan khác	1.005.871.500	1.005.871.500
	<u>91.536.376.716</u>	<u>345.159.851.410</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty con	86.929.306.176	86.929.306.176
Công ty liên doanh, liên kết	15.990.334.870	8.502.837.760
	<u>102.919.641.046</u>	<u>95.432.143.936</u>
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty con	25.821.023	37.634.560
Công ty liên doanh, liên kết	54.772.866.606	97.002.045
Khác	3.322.327.827	-
	<u>58.121.015.456</u>	<u>134.636.605</u>

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	138.722.327.518	94.547.650.554
Từ 1 đến 5 năm	414.651.644.344	378.190.602.214
Trên 5 năm	3.148.322.339.470	2.956.674.456.702
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>3.701.696.311.332</u>	<u>3.429.412.709.470</u>

32 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công trình xây dựng, máy móc và thiết bị	<u>18.754.140.637</u>	<u>18.754.140.637</u>

33 NỢ TIỀM TÀNG

Việc truy thu tiền thuê đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (từng là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2003 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 và nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (là công ty liên kết của Tổng Công ty từ ngày 17 tháng 5 năm 2016 đến nay)) (gọi chung là “Công ty Du lịch Phú Thọ”).

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty nhận được Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước tại Thời điểm Chính thức Chuyển thành Công ty Cổ phần của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) do Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII phát hành (“Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước”), với thời kỳ kiểm toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến thời điểm trước khi chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Theo đó, đối với khoản tiền thuê đất truy thu, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII kiến nghị Công ty Du lịch Phú Thọ nộp ngân sách Nhà nước tiền thuê đất được xác định tăng thêm là 105.254.993.119 Đồng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 16 tháng 5 năm 2016 (“giai đoạn chuyển thể”) đối với Lô đất Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Công viên Đầm Sen).

33 NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Bên cạnh đó, Kiểm toán Nhà nước cũng xác định chênh lệch về tiền thuê đất phải nộp Ngân sách Nhà Nước theo chính sách và giá đất hàng năm so với số đã tạm thu tiền thuê đất từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014) là 130.634.137.200 Đồng. Số tiền này cũng đã tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và thu hồi lại một phần khi phát hành cổ phiếu.

Các kiến nghị xử lý khác từ Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII như sau:

- Công ty Du lịch Phú Thọ giảm lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn chuyển thể nộp về Tổng Công ty số tiền 75.271.406.874 Đồng do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuê đất truy thu giai đoạn chuyển thể 105.254.993.119 Đồng, và thuế thu nhập doanh nghiệp giảm trong giai đoạn này do thay đổi doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 Đồng.
- Đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty Du lịch Phú Thọ thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước này; báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII trước ngày 31 tháng 10 năm 2020. Trong Báo cáo Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện, kiến nghị đang thực hiện, kiến nghị chưa thực hiện (giải thích rõ lý do chưa thực hiện).

Sau khi nhận được Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần Vốn Nhà nước phát hành bởi Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, đối với các khoản tiền thuê đất truy thu trước thời điểm cổ phần hóa Công ty Du lịch Phú Thọ như trên, do Công ty Du lịch Phú Thọ đã nộp lợi nhuận về Tổng Công ty và Tổng Công ty đã thực hiện nộp các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước trong giai đoạn này, Tổng Công ty đã:

- Gửi Công văn số 573/TCT-TCKT ngày 22 tháng 7 năm 2020 đến Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xin kiến nghị không truy thu số tiền thuê đất cho giai đoạn trước giai đoạn chuyển thể cũng như đề nghị hướng xử lý tài chính đối với khoản tiền thuê đất cho giai đoạn chuyển thể và đang đợi ý kiến phản hồi từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; và
- Gửi Công văn số 837/TCT-TCKT ngày 12 tháng 10 năm 2020 đến Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII. Theo đó, do Tổng Công ty đã thực hiện nộp LNST về ngân sách nhà nước nên Tổng Công ty không thể hoàn trả cho Công ty Du lịch Phú Thọ lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn chuyển thể 75.271.406.874 Đồng nêu trên. Do đó, Tổng Công ty kiến nghị Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII cho phép Tổng Công ty và Công ty Du lịch Phú Thọ được xử lý tài chính về số tiền giảm lợi nhuận chưa phân phối nộp về Tổng Công ty khi thực hiện hoàn tất quyết toán chuyển thể.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, việc xử lý tiền thuê đất truy thu cho giai đoạn trước chuyển thể và giai đoạn chuyển thể vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Tổng Công ty chưa có cơ sở đáng tin cậy để ghi nhận các khoản tiền thuê đất truy thu này. Theo đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận các nghĩa vụ nợ này trên báo cáo tài chính riêng và đánh giá đây là khoản nợ tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này.

34 VẤN ĐỀ KHÁC

(a) Covid-19

Theo tình hình hiện nay, virus chủng mới Corona ("Covid-19") đang gây ra một số biến động đối với nền kinh tế thế giới. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty có thể bị ảnh hưởng do sự bất ổn gây ra bởi đại dịch Covid-19 tại Việt Nam. Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng các tác động tiềm tàng của Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh và kế hoạch quản lý của Tổng Công ty, cũng như nhanh chóng xem lại chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty đồng thời thương lượng với các nhà cung cấp và các khách hàng để giải quyết tình hình hiện nay. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục đánh giá các ảnh hưởng cho năm tài chính tiếp theo.

(b) Hợp đồng quản lý

Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thông báo các quyết định tạm ngừng hoạt động của các Câu lạc bộ:

- Theo Công văn số 878/TCT-ĐT ngày 21 tháng 10 năm 2020 gửi Công ty TNHH Hưng Phú Gia, Tổng Công ty đã quyết định tạm ngừng hoạt động của các câu lạc bộ dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng tại Khách sạn Đồng Khởi từ ngày 13 tháng 11 năm 2020 đến ngày 12 tháng 5 năm 2021 để rà soát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài tại đơn vị này. Tuy nhiên ngày 28 tháng 10 năm 2020 Công ty TNHH Hưng Phú Gia đã gửi Công văn số 43/HPG/CV-2020 đến Tổng Công ty và đơn phương chấm dứt hợp đồng, bàn giao và niêm phong mặt bằng ngày 2 tháng 11 năm 2021.
- Theo Công văn số 225/TCT-ĐT ngày 10 tháng 3 năm 2021 gửi Công ty TNHH Vườn Hoàng Đế, Tổng Công ty đã quyết định tạm ngừng hoạt động của các câu lạc bộ dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng tại Khách sạn Cửu Long từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 15 tháng 9 năm 2021 để rà soát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài tại đơn vị này.
- Theo Công văn số 116/TCT-ĐT ngày 29 tháng 1 năm 2021 gửi Công ty TNHH Âu Việt, Tổng Công ty đã quyết định tạm ngừng hoạt động của các câu lạc bộ dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng tại Khách sạn Đề Nhất từ ngày 15 tháng 2 năm 2021 đến ngày 15 tháng 8 năm 2021 để rà soát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài tại đơn vị này.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám Đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2022.



Nguyễn Khương Duy
Người lập



Nguyễn Quốc Tuệ
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Trương Đức Hùng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chữ ký được Ủy quyền